

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHƯỜNG VĨNH CHÂU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Chí Hiếu

Học viên cao học quản lý giáo dục, Đại học Trà Vinh

Email: nguyenchihieu.c3kh@soctrang.edu.vn

Tóm tắt: Giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học phổ thông có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành năng lực xã hội, nâng cao hiệu quả học tập và chuẩn bị cho học sinh khả năng thích ứng với các yêu cầu của đời sống và lao động trong bối cảnh hội nhập. Bài báo tập trung nghiên cứu công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc lập kế hoạch giáo dục kỹ năng giao tiếp còn thiếu tính hệ thống; công tác tổ chức và chỉ đạo chưa đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục; hoạt động kiểm tra, đánh giá chưa thường xuyên và chưa gắn chặt với mục tiêu phát triển năng lực của học sinh. Từ đó, bài báo đề xuất một số định hướng và giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng giao tiếp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh trung học phổ thông trong điều kiện thực tiễn địa phương.

Từ khóa: Quản lý giáo dục, Kỹ năng giao tiếp, Hoạt động giáo dục, Học sinh trung học phổ thông, Nhà trường phổ thông

MANAGEMENT OF COMMUNICATION SKILLS EDUCATION ACTIVITIES FOR STUDENTS IN UPPER SECONDARY SCHOOLS IN VINH CHAU WARD, CAN THO CITY

Abstract: Communication skills education for upper secondary school students plays a particularly important role in forming social competencies, enhancing learning effectiveness, and preparing students to adapt to the demands of life and work in the context of integration. This paper focuses on examining the management of communication skills education activities for students at upper secondary schools in Vĩnh Châu Ward, Cần Thơ City. The research findings indicate that planning for communication skills education lacks systematic coherence; organizational and leadership efforts among educational stakeholders are not well coordinated; and monitoring and evaluation activities are conducted infrequently and are not closely aligned with the objectives of developing students' competencies. Based on these findings, the paper proposes several management orientations and solutions to improve the effectiveness of communication skills education, thereby contributing to the enhancement of comprehensive education quality for upper secondary school students under local practical conditions.

Keywords: Educational management, Communication skills, Educational activities, Upper secondary school students, Secondary schools

Nhận bài: 28.12.2025

Phản biện: 17.01.2026

Duyệt đăng: 22.01.2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh xã hội ngày càng đề cao khả năng hợp tác, chia sẻ và thích ứng, kỹ năng giao tiếp trở thành một trong những năng lực nền tảng giúp học sinh trung học phổ thông phát triển toàn diện và tự tin hội nhập. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy không ít học sinh còn hạn chế trong diễn đạt, lắng nghe và tương tác xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến học tập, các mối quan hệ và định hướng nghề nghiệp tương lai. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết không chỉ ở nội dung giáo dục mà còn ở công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp trong nhà trường. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ, bài báo đi sâu nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm góp phần nâng cao chất

lượng giáo dục toàn diện cho học sinh trong điều kiện cụ thể của địa phương.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi. Kết quả thu được sẽ xử lý bằng phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học, xác định các tần số tuyệt đối (số đếm); Khách thể nghiên cứu 90 CBQL, GV và 120 HS của 02 trường THPT phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ.

2.2 Một số khái niệm

Kỹ năng giao tiếp là khả năng nhận thức nhanh chóng những biểu hiện bên trong và bên ngoài của đối tượng và bản thân của chủ thể giao tiếp, khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện giao tiếp (Nguyễn Trọng Lăng (cb, 2023) tr.95).

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, kỹ năng giao tiếp được xác định là một thành phần cốt lõi của năng lực chung và năng lực ngôn ngữ, giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh.

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học phổ thông là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch và có hệ thống của chủ thể quản lý nhằm tổ chức, điều hành và giám sát các hoạt động rèn luyện kỹ năng giao tiếp, bảo đảm sự phối hợp hiệu quả của nội dung, phương pháp, hình thức và nguồn lực giáo dục, qua đó phát triển năng lực giao tiếp của học sinh theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2.3 Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học phổ thông

2.3.1 Tầm quan trọng của quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học phổ thông

Kết quả khảo sát cho thấy cả hai nhóm đối tượng là cán bộ quản lý, giáo viên (CBQL, GV) và học sinh (HS) đều nhận thức được vai trò quan trọng của công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp (GDKNGT) trong nhà trường THPT, tuy nhiên mức độ đánh giá giữa hai nhóm có sự khác biệt nhất định.

Đối với nhóm CBQL, GV, điểm trung bình chung của bảng đạt $\text{ĐTB} = 3,33$ với $\text{ĐLC} = 0,56$, phản ánh mức độ đánh giá cao và khá ổn định. Hầu hết các tiêu chí đều có ĐTB trên 3,30, cho thấy đội ngũ CBQL, GV đánh giá công tác quản lý là yếu tố then chốt bảo đảm hiệu quả triển khai hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

Trong đó, tiêu chí “*Quản lý đảm bảo quy trình đánh giá kỹ năng giao tiếp theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT được thực hiện công bằng, khách quan và phù hợp năng lực học sinh*” đạt điểm trung bình cao nhất ($\text{ĐTB} = 3,38$; $\text{ĐLC} = 0,56$). Điều này cho thấy CBQL, GV đặc biệt coi trọng vai trò của quản lý trong việc chuẩn hóa công tác kiểm tra, đánh giá năng lực giao tiếp của học sinh theo đúng quy định hiện hành.

Các tiêu chí liên quan đến vai trò của quản lý trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và phân bổ nguồn lực cũng được đánh giá cao, với điểm trung bình dao động từ 3,31 đến 3,34. Kết quả này phản ánh nhận thức rõ ràng của đội ngũ giáo dục về vai trò điều phối, định hướng và bảo đảm tính đồng bộ của công tác quản lý đối với hoạt động GDKNGT trong nhà trường.

Đối với nhóm học sinh, điểm trung bình chung đạt $\text{ĐTB} = 2,98$ với $\text{ĐLC} = 0,37$, thấp hơn so với đánh giá của CBQL, GV nhưng vẫn tiệm cận mức “quan trọng” trên thang đo Likert 4 mức độ. Các tiêu chí được học sinh đánh giá cao nhất là vai trò của quản lý trong bảo đảm đánh giá công bằng, khách quan ($\text{ĐTB} = 3,00$) và vai trò của quản lý trong xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp ($\text{ĐTB} = 2,98$).

Tuy nhiên, so với CBQL, GV, học sinh có xu hướng đánh giá thấp hơn vai trò của quản lý trong việc triển khai thống nhất, đồng bộ hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp và phân bổ nguồn lực. Độ lệch chuẩn của các tiêu chí trong nhóm học sinh đều ở mức thấp (0,34–0,41), cho thấy mức độ đánh giá khá tập trung và tương đối thống nhất giữa các học sinh được khảo sát. Nhìn chung, kết quả khẳng định tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh THPT, đặc biệt theo đánh giá của đội ngũ CBQL, GV.

2.3.2. Lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học phổ thông

Kết quả khảo sát cho thấy công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp (GDKNGT) trong nhà trường THPT được cả cán bộ quản lý, giáo viên (CBQL, GV) và học sinh (HS) đánh giá ở mức khá tốt, với điểm trung bình chung lần lượt đạt $\text{ĐTB} = 3,25$; $\text{ĐLC} = 0,60$ đối với CBQL, GV và $\text{ĐTB} = 3,32$; $\text{ĐLC} = 0,57$ đối với HS. Các giá trị độ lệch chuẩn đều ở mức dưới 0,65, phản ánh mức độ đồng thuận tương đối cao trong đánh giá của các đối tượng khảo sát.

Đối với nhóm CBQL, GV, hầu hết các tiêu chí đều có điểm trung bình dao động từ 3,23 đến 3,26, cho thấy việc lập kế hoạch GDKNGT được thực hiện khá đồng bộ và bám sát định hướng của Chương trình GDPT 2018. Các tiêu chí được đánh giá cao bao gồm: *kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nội dung tích hợp và yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp của học sinh* ($\text{ĐTB} = 3,26$; $\text{ĐLC} = 0,58$); *kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý và hướng dẫn chuyên môn* ($\text{ĐTB} = 3,26$; $\text{ĐLC} = 0,62$); cũng như *kế hoạch thể hiện sự phối hợp giữa các tổ chuyên môn và các hoạt động giáo dục trong nhà trường* ($\text{ĐTB} = 3,26$; $\text{ĐLC} = 0,58$).

Tiêu chí “*Kế hoạch dự báo và phân bổ hợp lý các nguồn lực*” có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm CBQL, GV ($\text{ĐTB} = 3,23$; $\text{ĐLC} = 0,60$). Kết quả này phản ánh việc dự báo, cân đối và huy động các nguồn lực phục vụ giáo dục kỹ

năng giao tiếp vẫn còn gặp những khó khăn nhất định, đặc biệt trong bối cảnh điều kiện cơ sở vật chất và thời lượng dạy học còn hạn chế.

Đối với nhóm học sinh, điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 3,17 đến 3,25, nhìn chung tương đương hoặc cao hơn nhẹ so với đánh giá của CBQL, GV. *Học sinh đánh giá cao nhất các tiêu chí liên quan đến tính phù hợp của kế hoạch với nhu cầu học sinh* (ĐTB = 3,25; ĐLC = 0,58), *sự phối hợp giữa các hoạt động giáo dục trong nhà trường* (ĐTB = 3,25; ĐLC = 0,54) và *việc xây dựng kế hoạch dựa trên các văn bản pháp lý* (ĐTB = 3,25; ĐLC = 0,58). Điều này cho thấy học sinh cảm nhận rõ ràng mức độ gắn kết giữa kế hoạch giáo dục kỹ năng giao tiếp với thực tiễn học tập và trải nghiệm của bản thân.

Tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất đối với học sinh là *“Kế hoạch giáo dục KNGT được xây dựng phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực theo Chương trình GDPT 2018”* (ĐTB = 3,17; ĐLC = 0,58). Kết quả này cho thấy học sinh chưa nhận thức đầy đủ mối liên hệ giữa nội dung kế hoạch giáo dục kỹ năng giao tiếp và yêu cầu phát triển năng lực theo chương trình giáo dục phổ thông mới, đòi hỏi nhà trường cần tăng cường công tác truyền thông, định hướng và giải thích rõ hơn cho học sinh.

So sánh giữa hai nhóm đối tượng cho thấy sự chênh lệch điểm trung bình ở các tiêu chí là không đáng kể, các giá trị ĐLC đều thấp, phản ánh tính ổn định và nhất quán trong đánh giá. Nhìn chung, công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh THPT đã được thực hiện tương đối bài bản, có căn cứ pháp lý, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

2.3.3. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học phổ thông

Kết quả khảo sát cho thấy công tác tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp (GDKNGT) trong nhà trường THPT được cả cán bộ quản lý, giáo viên (CBQL, GV) và học sinh (HS) đánh giá ở mức khá tốt. Điểm trung bình chung của nhóm CBQL, GV đạt ĐTB = 3,26; ĐLC = 0,62, trong khi nhóm HS đạt ĐTB = 3,28; ĐLC = 0,55, phản ánh mức độ đồng thuận tương đối cao và sự đánh giá tích cực từ cả hai nhóm đối tượng.

Đối với nhóm CBQL, GV, các tiêu chí đều có điểm trung bình dao động từ 3,22 đến 3,31, cho thấy hoạt động tổ chức giáo dục kỹ năng giao tiếp được triển khai tương đối đồng bộ và phù hợp với

điều kiện thực tế của nhà trường. Trong đó, tiêu chí *“Hoạt động giáo dục KNGT được triển khai thông qua nhiều kênh đa dạng (xuyên môn – trải nghiệm – đoàn thể), đảm bảo tính thực hành cao”* đạt điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3,31; ĐLC = 0,59). Kết quả này phản ánh nỗ lực của nhà trường trong việc đa dạng hóa hình thức tổ chức, tạo điều kiện cho học sinh được rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong nhiều bối cảnh khác nhau.

Các tiêu chí liên quan đến phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và các tổ chức đoàn thể (ĐTB = 3,30; ĐLC = 0,61), cũng như tổ chức bộ máy chuyên trách để triển khai hoạt động giáo dục KNGT (ĐTB = 3,25; ĐLC = 0,60), đều được đánh giá khá cao.

Tuy nhiên, tiêu chí *“Giáo viên bộ môn được tổ chức tham gia tích hợp giáo dục KNGT thông qua các phương pháp dạy học tích cực”* có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm CBQL, GV (ĐTB = 3,22; ĐLC = 0,62). Kết quả này cho thấy việc tích hợp giáo dục kỹ năng giao tiếp vào các môn học vẫn còn gặp một số khó khăn trong khâu tổ chức và triển khai, đòi hỏi sự chỉ đạo sâu sát hơn từ phía nhà trường.

Đối với nhóm học sinh, các tiêu chí đều được đánh giá ở mức khá cao, với điểm trung bình dao động từ 3,23 đến 3,31. Học sinh đánh giá cao nhất các tiêu chí liên quan đến tổ chức hoạt động ngoại khóa phát triển kỹ năng giao tiếp (ĐTB = 3,31; ĐLC = 0,54), phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các lực lượng giáo dục (ĐTB = 3,30; ĐLC = 0,55) và tính đồng bộ, khả thi của hoạt động giáo dục KNGT (ĐTB = 3,30; ĐLC = 0,55).

So sánh giữa hai nhóm đối tượng cho thấy sự chênh lệch điểm trung bình ở các tiêu chí là không đáng kể, hầu hết chỉ dao động trong khoảng 0,02–0,06 điểm. Các giá trị độ lệch chuẩn đều dưới 0,65, phản ánh mức độ phân tán thấp và sự ổn định trong đánh giá. Nhìn chung, công tác tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh THPT đã được thực hiện khá bài bản, có sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục và đáp ứng tương đối tốt yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

2.3.4. Chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh sinh trung học phổ thông

Kết quả khảo sát cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp (GDKNGT) của Hiệu trưởng tại các trường THPT được đánh giá ở mức tốt, thể hiện rõ vai trò trung tâm của người đứng đầu trong việc định hướng, điều hành và thúc đẩy hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho

học sinh. Điểm trung bình chung của nhóm cán bộ quản lý, giáo viên (CBQL, GV) đạt ĐTB = 3,44; ĐLC = 0,61, trong khi nhóm học sinh (HS) đánh giá cao hơn với ĐTB = 3,59; ĐLC = 0,53.

Đối với nhóm CBQL, GV, các tiêu chí đều có điểm trung bình dao động từ 3,41 đến 3,50, cho thấy công tác chỉ đạo được triển khai đồng bộ, nhất quán và phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục. Trong đó, tiêu chí “*Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chức bồi dưỡng/tập huấn về phương pháp dạy học kỹ năng mềm cho giáo viên*” đạt điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3,50; ĐLC = 0,59), phản ánh sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường đối với việc nâng cao năng lực chuyên môn và phương pháp sư phạm cho đội ngũ giáo viên trong giáo dục kỹ năng giao tiếp. Các tiêu chí liên quan đến ban hành chỉ đạo rõ ràng, kịp thời (ĐTB = 3,45; ĐLC = 0,63), đảm bảo học sinh được thực hành, luyện tập kỹ năng giao tiếp (ĐTB = 3,48; ĐLC = 0,59), cũng như xử lý kịp thời khó khăn, xung đột về nguồn lực (ĐTB = 3,42; ĐLC = 0,60) đều được đánh giá ở mức cao.

Tuy nhiên, một số tiêu chí như “*Hiệu trưởng điều phối sự phối hợp giữa GV bộ môn, GVCN và các tổ chức đoàn thể*” và “*Hiệu trưởng có các biện pháp tạo động lực cho giáo viên tham gia giáo dục KNGT*” có điểm trung bình thấp hơn tương đối (ĐTB = 3,41; ĐLC = 0,60). Điều này cho thấy mặc dù công tác chỉ đạo đã được triển khai hiệu quả, nhưng vẫn cần tiếp tục tăng cường các biện pháp động viên, khuyến khích và phối hợp liên lực lượng nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục kỹ năng giao tiếp.

Đối với nhóm học sinh, các tiêu chí đều được đánh giá ở mức tốt, với điểm trung bình dao động từ 3,55 đến 3,61. Học sinh đánh giá cao nhất tiêu chí “*Hiệu trưởng có các biện pháp tạo động lực cho giáo viên tham gia giáo dục KNGT*” và “*Công tác chỉ đạo đảm bảo học sinh được thực hành, luyện tập và phát triển KNGT hiệu quả*” (cùng ĐTB = 3,61; ĐLC = 0,52). Điều này cho thấy tác động tích cực của công tác chỉ đạo đã được thể hiện rõ rệt trong trải nghiệm học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp của học sinh.

So sánh giữa hai nhóm đối tượng cho thấy học sinh luôn có xu hướng đánh giá cao hơn CBQL, GV từ 0,11 đến 0,18 điểm, tuy nhiên sự chênh lệch này không lớn và các giá trị độ lệch chuẩn đều ở mức thấp (dưới 0,65), phản ánh sự đồng thuận cao trong nhận thức và đánh giá. Nhìn chung, công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp

cho học sinh THPT đã được thực hiện hiệu quả, rõ ràng và kịp thời, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

2.3.5. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học phổ thông

Kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp (GDKNGT) trong các trường THPT được thực hiện ở mức tốt, thể hiện vai trò quan trọng của Hiệu trưởng trong việc theo dõi, điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh. Điểm trung bình chung của nhóm cán bộ quản lý, giáo viên (CBQL, GV) đạt ĐTB = 3,42; ĐLC = 0,59, trong khi nhóm học sinh (HS) đánh giá cao hơn với ĐTB = 3,66; ĐLC = 0,53. Các giá trị độ lệch chuẩn đều ở mức thấp, cho thấy mức độ đồng thuận cao trong đánh giá của các đối tượng khảo sát.

Đối với nhóm CBQL, GV, điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 3,40 đến 3,45, phản ánh công tác kiểm tra, đánh giá được triển khai tương đối đồng bộ và có hệ thống. Các tiêu chí được đánh giá cao gồm: “*Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng và sử dụng các công cụ đánh giá khách quan kỹ năng giao tiếp*” (ĐTB = 3,45; ĐLC = 0,58), “*Kết quả đánh giá kỹ năng giao tiếp của học sinh được đối chiếu đầy đủ với yêu cầu cần đạt theo Chương trình GDPT 2018 và Thông tư 22/2021*” (ĐTB = 3,44; ĐLC = 0,56) và “*Hiệu trưởng phân tích kết quả kiểm tra – đánh giá để phát hiện điểm yếu và các chệch hướng trong triển khai giáo dục kỹ năng giao tiếp*” (ĐTB = 3,43; ĐLC = 0,56).

Các tiêu chí liên quan đến kiểm tra việc tích hợp nội dung KNGT trong bài dạy và giám sát việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực của giáo viên đều đạt ĐTB = 3,41 với ĐLC = 0,61–0,64, phản ánh việc kiểm tra được thực hiện thường xuyên nhưng vẫn còn dư địa để nâng cao tính chiều sâu và hiệu quả trong khâu giám sát quá trình.

Đối với nhóm học sinh, các tiêu chí đều được đánh giá ở mức tốt, với điểm trung bình dao động từ 3,63 đến 3,69, cao hơn so với đánh giá của CBQL, GV. Học sinh đánh giá cao nhất tiêu chí “*Hiệu trưởng kịp thời chỉ đạo điều chỉnh kế hoạch, phương pháp tổ chức hoặc bồi dưỡng giáo viên dựa trên kết quả đánh giá KNGT của học sinh*” (ĐTB = 3,69; ĐLC = 0,52) và “*Hiệu trưởng giám sát việc giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển KNGT*” (ĐTB = 3,68; ĐLC = 0,50). Kết quả này cho thấy học sinh

cảm nhận rõ ràng sự thay đổi tích cực trong hoạt động dạy học và giáo dục kỹ năng giao tiếp khi nhà trường có sự điều chỉnh kịp thời dựa trên kết quả đánh giá.

So sánh giữa hai nhóm đối tượng cho thấy học sinh đánh giá cao hơn CBQL, GV ở tất cả các tiêu chí, với mức chênh lệch từ 0,22 đến 0,28 điểm. Tuy nhiên, do các giá trị độ lệch chuẩn đều thấp (dưới 0,65), sự chênh lệch này phản ánh khác biệt về góc nhìn và trải nghiệm thực tiễn hơn là sự bất nhất trong nhận thức. Nhìn chung, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh THPT đã được thực hiện khá bài bản, có định hướng phát triển năng lực và phù hợp với các quy định hiện hành, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

III. KẾT LUẬN

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao

tiếp cho học sinh trung học phổ thông là một yêu cầu thiết yếu nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực và giáo dục toàn diện trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Kết quả nghiên cứu tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp đã được quan tâm triển khai, song vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định trong các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả giáo dục kỹ năng giao tiếp và việc hình thành năng lực xã hội cho học sinh. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng giao tiếp, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh trung học phổ thông và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông, Ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nguyễn Trọng Lăng (cb, 2023), Nguyễn Thị Thúy. *Giáo trình giao tiếp sư phạm ở trường tiểu học*. NXB KHXH, Hà Nội.

Phạm Thị Thanh Tâm. (2021). *Biện pháp quản lý hoạt động rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học phổ thông tại thành phố Đà Nẵng*.

Trần Thị Bích Thủy. (2019). *Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh trung học phổ thông và một số giải pháp rèn luyện*.

Sutanto, Z. A., Murdiono, M., & Hidayah, E. N. (2024). *Strengthening students' communication skills in civic education through Socratic seminar model*. European Journal of Social Sciences Studies.